

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro
tại Ngân hàng Chính sách xã hội**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 và thay thế Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Những khoản rủi ro do nguyên nhân khách quan của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội xảy ra trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý thì được xử lý theo Quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan, bao gồm:
 - a) Hộ nghèo;
 - b) Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;
 - c) Các đối tượng vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm;
 - d) Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;
 - đ) Các đối tượng được vay vốn để thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
 - e) Các hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn;
 - g) Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;
 - h) Các đối tượng được hưởng chính sách tín dụng về nhà ở tại các vùng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - i) Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;
 - k) Các đối tượng khác theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

1. Quy chế này quy định việc xử lý nợ của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.
2. Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân trong vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất

phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy chế bồi thường thiệt hại, quyết định mức bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

3. Các khoản cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân ủy thác.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, đã sử dụng vốn vay đúng mục đích;
- b) Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;
- c) Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ cho Ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 4. Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro

1. Việc áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro đối với khách hàng được tính từ thời điểm khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan.

2. Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của Ngân hàng Chính sách xã hội và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Định kỳ tối thiểu 6 tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng và có văn bản báo cáo kết quả xử lý cho các Bộ:

Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề theo dõi, giám sát.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quy định về nguyên nhân khách quan

1. Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng hoặc của dự án.

2. Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...).

3. Khách hàng là cá nhân vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình: bị mất năng lực hành vi dân sự; người vay vốn ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa; chết; mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

4. Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Các biện pháp xử lý nợ bị rủi ro

1. Gia hạn nợ

a) Gia hạn nợ là việc Ngân hàng Chính sách xã hội cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian gia hạn nợ, khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay;

b) Điều kiện gia hạn nợ

Khách hàng được xem xét gia hạn nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy chế này;

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản dưới 40% so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng.